

Bản án số:10/2020/HS-ST

Ngày: 17/02/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ- TỈNH BẮC GIANG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Miện

2. Ông Nguyễn T Loan

- **Thư ký phiên toà:** bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2019/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:02/2020/QĐXX-HSST ngày 02 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Tạ Văn M - sinh năm 1997

NĐKNKTT và chỗ ở: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt N; con ông: Tạ Văn Thuận - sinh năm 1973; con bà: Lê Thị Gái - sinh năm 1974; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không

*** Người bị hại:**

Anh Nguyễn Quang K - sinh năm 1993(vắng mặt)

TQ: thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tạ Văn T – sinh năm 1993(vắng mặt)

TQ: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

2. Anh Tạ Văn B - sinh năm 1991 (vắng mặt)

TQ: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

3. Anh Trần Văn N - sinh năm 1990

TQ: thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

Ông Tạ Văn C - sinh năm 1958(vắng mặt)

TQ: thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Quang K là chủ quán điện tử có tên là "K Game" tại thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 21 giờ ngày 26/11/2019, anh K đã khóa cửa ngoài gian phòng ngủ của quán và khóa cửa ngoài của cửa hàng để về nhà ngủ. Lúc đó ở trong quán game vẫn có Tạ Văn M - sinh năm 1997, Tạ Văn T - sinh năm 1993 cùng trú tại thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa và một số người khác đang chơi điện tử ở trong quán qua đêm. Đến 06 giờ sáng ngày 27/11/2019, biết anh K không có mặt ở trong quán, M đã đi ra lối nhà vệ sinh của quán điện tử rồi trèo qua vách ngăn cao khoảng 2,20m vào bên trong phòng ngủ của anh K với mục đích là lấy nước uống và thuốc lá. Sau khi lấy được thuốc lá và nước uống M nhìn thấy 01 túi xách(Do trời tối M không nhìn rõ đặc điểm túi xách) để trên đỉnh thùng nước ngọt đặt ở giường ngủ của anh K, M đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của anh K. M đến gần chiếc túi xách, kéo ngăn khóa của túi ra và thấy 01 túi vải màu đen có dây rút ở miệng túi bên trong có 03 chiếc điện thoại di động (Trong đó gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE X màu trắng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6 plus màu xám, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6 màu xám); 05 tờ giấy bạc mệnh giá 50.000đ cùng một ít tiền lẻ M không nhớ mệnh giá. M cầm túi vải màu đen bên trong có 03 chiếc điện thoại di động và 05 tờ tiền mệnh giá 50.000đ đút vào túi quần bên trái rồi trèo qua vách ngăn ra ngoài. Khi ra bên ngoài, M đã mượn điện thoại của Tạ Văn T(Là anh trai ruột của M) để gọi điện thoại cho Tạ Văn B - sinh năm 1991, trú tại: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa với nội dung "Vừa lấy trộm tài sản của anh K, lên lấy mang giúp về nhà". Sau đó, B một mình đi lên quán điện tử của anh K, B đã gọi điện thoại cho M thì M đứng bên trong nhà vệ sinh của anh K đưa 01 túi vải màu đen bên trong có 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE X và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 plus màu xám qua lỗ thùng nhỏ ở nhà vệ sinh cho B đang đứng ở bên ngoài. B cầm số tài sản mà M vừa đưa cho và đi làm. M giữ lại thoại IPHONE 6 màu xám và số tiền 250.000đ đút vào túi quần rồi tiếp tục vào chơi điện tử. Sau khi nhận túi đen M đưa cho, trên đường đi làm B kiểm tra thì thấy có 02 chiếc điện thoại di động và 01 chứng M thư nhân dân mang tên anh Nguyễn Quang K. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, B mang số tài sản trên trả lại cho M, đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì M đã mang chiếc điện thoại IPHONE 6 màu xám đến cửa hàng bán điện thoại di động của anh Trần Văn N - sinh năm 1990

trú tại: thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa để bán cho anh N chiếc với giá là 600.000đ. Toàn bộ số tiền bán điện thoại và số tiền trộm cắp được của anh K, M đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến 22 giờ ngày 27/11/2019, M đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hiệp Hòa để đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Quang K và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu xám, 01 túi vải màu đen miệng túi có dây rút, 01 chứng M thư nhân dân mang tên Nguyễn Quang K. Anh Tạ Văn T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstei màu tím than.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động IPHONE 6 màu xám đã cũ, có số IMEI là 359304069305475 mà M đã trộm cắp của anh K để bán cho anh N.

Ngày 02/12/2019, tại kết luận định giá số: 42/KL - HĐĐG ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa đã kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE X màu trắng trị giá là: 9.500.000đ; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6 màu xám plus trị giá 2.200.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu xám trị giá 1.200.000đ; 01 chiếc ốp lưng bằng nhựa màu xanh trị giá 20.000đ. Tổng giá trị ba chiếc điện thoại là: 12.920.000đ (Mười hai triệu, C trăm hai mươi nghìn đồng).

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tạ Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tạ Văn M cho UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian bị cáo thi hành án và chấp hành thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Tạ Văn M phải bồi thường cho anh Nguyễn Quang K số tiền đã lấy của anh M là: 250.000đ và bồi thường cho anh Trần Văn N số tiền là: 600.000đ.

Bị cáo Tạ Văn M đã nộp tại Cơ quan thi hành án huyện Hiệp Hòa số tiền: 850.000đ để thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Số tiền này cần giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại anh Tạ Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel màu tím than.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo M.

Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH bị cáo Tạ Văn M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo không phải chịu án phí DSST.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 09/CT – VKSHH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố bị cáo Tạ Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội không oan.

[3] Khoảng 06 giờ sáng ngày 27/11/2019, Tạ Văn M biết anh Nguyễn Quang K không có mặt tại quán game có tên là "K Game" vì anh K đã khóa cửa phòng ngủ và khóa ngoài cửa hàng để về nhà ngủ nên M đã trèo qua bức vách để vào phòng ngủ của anh K lấy thuốc lá và nước uống. Tại đây M phát hiện có 01 túi xách để trên thùng nước ngọt M đã nảy sinh ý định trộm cắp, M đi lại gần chiếc túi và kéo khóa mở ra thì thấy bên trong có một túi vải màu đen có dây rút ở miệng túi bên trong có ba chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE X màu trắng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6 plus màu xám, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6 màu xám; 05 tờ giấy bạc mệnh giá 50.000đ cùng một ít tiền lẻ M không nhớ mệnh giá. M cầm túi vải màu đen bên trong có 03 chiếc điện thoại di động và 05 tờ tiền mệnh giá 50.000đ đút vào túi quần bên trái rồi trèo qua vách ngăn ra ngoài. Sau đó, M đã gọi điện cho B để đến quán anh K cầm chiếc túi bên trong có 02 chiếc điện thoại và 01 01 chứng M thư mang tên anh K ra ngoài cho M còn M giữ lại số tiền 250.000đ và 01 điện thoại Iphone 6 màu xám. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết

luyện Tạ Văn M bị VKSND huyện Hiệp Hòa truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của Tạ Văn M là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng tuổi đời còn trẻ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội để bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục bị cáo trở T công dân tốt cho xã hội là có căn cứ.

[5] Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, HĐXX thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, HĐXX cần phân tích đánh giá như sau:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa từng bị Cơ quan, tổ chức nào xử phạt về hành vi vi phạm nào trước đó.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo T khẩn khai báo nhận ra lỗi lầm của mình và bị cáo cũng thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hơn nữa, trước khi mở phiên tòa xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp 850.000đ tại Cơ quan thi hành án huyện Hiệp Hòa để bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên HĐXX xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường cho bị cáo. Bên cạnh đó, khi nhận thức thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa để đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Vì thế, HĐXX xét thấy cần thiết áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 cho bị cáo là có căn cứ.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định đang sống phụ thuộc vào gia đình, vợ con chưa có, không có tài sản tích lũy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là có căn cứ.

[6] Đối với anh Tạ Văn B được M gọi điện nhờ đến quán game của anh K để cầm tài sản trộm cắp giúp M anh B không biết số tài sản M đưa cho là do M trộm cắp của anh K. Trong B bản ghi lời khai thì M có khai gọi điện và nhắn tin cho anh B và có nói cho B biết về việc đã lấy điện thoại của anh K và nhờ B lên cầm hộ nhưng hai bên đôi chất không làm rõ được do B không thừa nhận. Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã có Công văn yêu cầu VKS nhân dân huyện Hiệp Hòa bổ sung tài liệu chứng cứ là báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của ba số điện thoại của Tạ Văn T và Tạ Văn B vào hai ngày 26/11/2019 và ngày 27/11/2019. Mục đích làm rõ có tin nhắn M đã nhắn cho B về việc nói với B M đã lấy trộm điện thoại của K không?, từ đó để có cơ sở xác định có tính chất đồng phạm của B hay không?. Ngày 10/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã cung cấp cho Tòa án bản chi tiết lịch sử liên lạc của ba số điện thoại mà Tòa án đã yêu cầu. Cơ quan quản lý đã trả lời trên hệ thống không còn lưu nội dung cuộc gọi, nội dung tin nhắn của 03 số điện thoại mà Tòa án đã yêu cầu trong hai ngày 26/11/2019 và ngày 27/11/2019. Qua các

tài liệu và chứng cứ mà VKS đã cung cấp thì không có chứng cứ để xem xét trách nhiệm của B là có căn cứ và không đủ cơ sở để kết luận B đã biết việc M lấy trộm những chiếc điện thoại của K. Từ đó, HĐXX xét thấy việc B cầm giúp cho M chiếc túi đen bên trong có các tài sản đã lấy trộm của anh K là do B giúp M chứ không biết là M đã có hành vi vi phạm pháp luật.

Đối với anh Tạ Văn T là anh trai của M, khi cho M mượn điện thoại anh T không biết M sử dụng vào việc gì. Khi chờ M từ quán điện thoại về nhà thì M về trước, anh không biết M đi đâu và làm gì. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý với anh T là căn cứ.

Đối với anh Trần Văn N là người đã mua của Tạ Văn M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu xám là tài sản M đã trộm cắp của anh K. Tuy nhiên, anh N không biết đó là tài sản do M trộm cắp mà có nên CQĐT không xem xét và xử lý hành vi của anh N là có căn cứ.

[7] Về vật chứng: Ba chiếc điện thoại, 01 chứng M thư nhân dân của anh K, hai chiếc túi mà M đã lấy trộm của anh K đã được Cơ quan điều tra xử lý trả lại cho anh K là có căn cứ. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu tím than có số IMEI 1: 352377062805359; số IMEI 2: 352377062805367 là của anh Tạ Văn T, khi cho M mượn anh T đã không biết M gọi cho ai, nhắn tin cho ai và nội dung như thế nào. Vì thế, HĐXX xét thấy cần tuyên trả lại cho T là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Quang K đã nhận lại đầy đủ tài sản do M đã lấy trộm của anh và xác nhận tài sản không bị hư hỏng nên không yêu cầu M phải có trách nhiệm bồi thường cho anh. Tuy nhiên, anh K yêu cầu M phải bồi thường cho anh số tiền là: 250.000đ và anh Tạ Văn N cũng yêu cầu bị cáo M phải bồi thường cho anh số tiền là: 600.000đ. HĐXX xét thấy, đây là yêu cầu Ch đáng của anh K và anh N. Vì vậy, cần buộc M phải có trách nhiệm bồi thường cho anh K và anh N là có căn cứ. Tại phiên tòa M đã cung cấp cho HĐXX 01 B lai nộp số tiền 850.000đ tại Cơ quan thi hành án huyện Hiệp Hòa, số tiền này cần được giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9]**Về án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 26 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Tạ Văn M phải chịu 200.000đ án phí HSST và không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm i, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Tạ Văn M 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tạ Văn M cho UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian bị cáo thi hành án và chấp hành thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người

được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

***Về vật chứng:**

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46

BLHS và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho anh Tạ Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu tím than có số IMEI 1: 352377062805359; số IMEI 2: 35237706280536.

- Tạm giữ số tiền 850.000đ bị cáo M đã tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Tạ Văn M phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Báo cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan điều tra Hiệp Hòa;
- Cơ quan THA hình sự Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- bị hại;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hương Lan

